

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 468/2023/DS-PT

Ngày 28 – 8 - 2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hui”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Việt Trung.

*Các Thẩm phán:* Ông Võ Ngọc Hải.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2023/TLPT-DS ngày 03/7/2023 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 661/2023/QĐ-PT ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Trần Thị M, sinh năm 1953.

Địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã Bình N, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M:* Võ Thị Bích Ph, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã Bình N, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

**- Bị đơn:**

1. Trương Thị Kim A, sinh năm 1957.

2. Trần Văn H, sinh năm 1950 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Bình Đông T, xã Bình N, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

*Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H và bà Trương Thị Kim A:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: Số 125/3 Lý Thường K, tổ 10, khu phố 8, phường 5, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

3. Trần Thị Kim Th, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 6, thị trấn VB, huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Trần Thị M; Bị đơn Trương Thị Kim A, Trần Văn H.

- *Viện Kiểm sát nhân dân huyện GCT kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

\* Theo bản án sơ thẩm, chị Võ Thị Bích Ph - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:

Bà Trần Thị M làm thảo hội, chị Trần Thị Kim Th, bà Trương Thị Kim A, ông Trần Văn H tham gia góp hội, cụ thể như sau:

Dây hội mở ngày 15/6/2021 âm lịch, hội 10.000.000 đồng/tháng, có 13 phần, bà Kim A và chị Th cùng tham gia 01 phần. Bà Kim A và chị Th hót hội kỳ đầu số tiền 99.000.000 đồng. Ngày 25/6/2021, bà M đem tiền đến nhà ông H và bà Kim A để giao tiền hội, ông H trực tiếp nhận số tiền 99.000.000 đồng, có bà Kim A chứng kiến; bà M kêu bà Kim A và ông H viết giấy nhận tiền hội, nhưng bà Kim A và ông H nói để chị Th về viết giấy nhận tiền hội của bà M. Ngày 26/6/2021 chị Th đem tờ giấy viết tay nhận tiền hội đã viết sẵn đến nhà bà M giao cho bà M. Sau khi hót tiền hội, bà Kim A, chị Th, ông H có đóng lại cho bà M 04 kỳ hội chết là 40.000.000 đồng; đến tháng 10/2021 âm lịch ngưng đóng tiền hội cho đến nay. Hội mãi ngày 15/6/2022 âm lịch. Hiện nay chị Th, bà Kim A, ông H còn nợ bà M 08 kỳ hội chết số tiền là 80.000.000 đồng.

Chị Ph - đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M yêu cầu chị Th, bà Kim A, ông H liên đới trả cho bà M số tiền hội 80.000.000 đồng; trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

\* Ông Nguyễn Văn D - đại diện ủy quyền của bị đơn bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H trình bày:

Bà Kim A và ông H không có tham gia góp hội với bà M; ông H, bà Kim A không biết gì về việc chị Th tham gia góp hội với bà M. Ngày 25/6/2021 âm lịch, bà M có đem số tiền 99.000.000 đồng đến nhà ông H và bà Kim A kêu ông H nhận số tiền 99.000.000 đồng để giao lại cho chị Th; ông H có nhận dùm cho chị Th số tiền 99.000.000 đồng, nhưng không có viết biên nhận; ông H giao tiền cho chị Th ngay trong ngày. Ông H, bà Kim A không có sử dụng số tiền nêu trên. Bà Kim A và ông H không đồng ý liên đới với chị Th trả tiền cho bà M. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm, cũng như trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn chị Trần Thị Kim Th vắng mặt không rõ lý do, cũng không có văn bản thể hiện ý kiến.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Buộc chị Trần Thị Kim Th, bà Trương Thị Kim A, ông Trần Văn H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị M số tiền hội 59.000.000 đồng (*Năm mươi chín triệu đồng*); trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 26/4/2023, bà Trần Thị M có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Trần Thị Kim Th, ông Trần Văn H, chị Trương Thị Kim A liên đới trả lại cho bà Trần Thị M số tiền 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng), trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Ngày 28/4/2023, bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H có đơn kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M về việc buộc ông Trần Văn H, chị Trương Thị Kim A liên đới trả lại cho bà Trần Thị M số tiền 59.000.000 đồng (năm mươi chín triệu đồng).

\* Ngày 05/5/2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện GCT có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Căn cứ kháng nghị:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của một số hội viên tham gia đây hội mở ngày 15/6/2021 âm lịch, loại hội 10.000.000 đồng, đây hội có 13 hội viên và không yêu cầu bà M nộp dA sách hội ngày 15/6/2021 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

- Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào biên nhận ngày 25/6/2021 do chị Th ký nhận tiền và lời thừa nhận của bà M có nhận của ông H, bà Kim A và chị Th số tiền 40.000.000 đồng để căn cứ, là chưa phù hợp với nội dung vụ án.

- Bà M không chứng minh được ông H và bà Kim A có cùng tham gia chơi hội với chị Th; ông H và bà Kim A không thừa nhận có tham gia góp hội với bà M; ông H chỉ thừa nhận là người nhận tiền hội thay cho chị Th, không có viết biên nhận tiền; nên không có căn cứ buộc ông H và bà Kim A liên đới cùng chị Th trả tiền hội cho bà M.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Chị Võ Thị Bích Ph - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu buộc 01 mình chị Trần Thị Kim Th phải trả

cho bà M tiền hội chết chưa đóng là 80.000.000 đồng, không đồng ý theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm của TAND huyện GCT; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà M.

- Bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý liên đới cùng chị Trần Thị Kim Th trả tiền hội chết; đồng ý theo Quyết định kháng nghị phúc thẩm của TAND huyện GCT; đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc ông bà liên đới cùng chị Th trả tiền hội cho bà M.

- Đại diện VKSND tỉnh Tiền Giang thay đổi Quyết định kháng nghị của VKSND huyện GCT, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của ông H và bà Kim A, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Tòa án cấp phúc thẩm đã khắc phục các thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm về thu thập chứng cứ, lấy lời khai của các hội viên trong dây hội ngày 15/6/2021. Cho nên VKSND tỉnh Tiền Giang quyết định thay đổi Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 05/5/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện GCT; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị M và chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H; buộc chị Trần Thị Kim Th có trách nhiệm trả cho bà M số tiền 80.000.000 đồng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Trần Thị Kim Th vắng mặt không rõ lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị Th.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M, ông Trần Văn H và bà Trương Thị Kim A và Quyết định kháng nghị của VKSND huyện GCT; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà Trần Thị M nộp tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn xin xác nhận về việc ở địa phương ông Trần Văn H được gọi là Chín Nhi và bà Trương Thị Kim A – vợ ông H được gọi bà Chín Nhi; Bản photo các Danh sách hội gồm: dây hội ngày 15/6/2021, dây hội ngày 06/7/2020, dây hội ngày 05/4/2016, ngày 06/02/2014.

[2.2] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị Võ Thị Bích Ph – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M cung cấp họ tên, địa chỉ của các hội viên tham gia dây hội ngày 15/6/2021 và đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai của các hội viên này. Tòa án cấp phúc thẩm đã ban hành Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 03/2023/QĐ-UTTA ngày 02/8/2023, gửi Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang. Ngày 17/8/2023 Tòa án nhân dân huyện GCT đã gửi kết quả lấy lời khai của các hội viên tham gia dây hội ngày 15/6/2021 gồm: bà Nguyễn Thị Dung (Út Dung), bà Đỗ Thị Hoa (Sáu Vân), bà Võ Thị Thu Hà, bà Nguyễn Thị Kim Loan, ông Trần Thái Sơn (Năm Sơn), bà Trần Thị M và Bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thanh Nhi cho Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Bà Nguyễn Thị Dung (Út Dung), bà Đỗ Thị Hoa (Sáu Vân), bà Trần Thị M, bà Võ Thị Thu Hà, bà Nguyễn Thị Kim Loan, ông Trần Thái Sơn (Năm Sơn), chị Nguyễn Thị Thanh Nhi xác định: Chị Trần Thị Kim Th tham gia dây hội ngày 15/6/2021, ghi tên “Th 9 Nhi” trong Danh sách hội, là người hót hội đầu tiên; chị Th là con của bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H, tại địa phương mọi người gọi ông H là 09 Nhi, nên cũng gọi chị Th là Th 09 Nhi.

Bà Võ Thị Thu Hà, bà Nguyễn Thị Kim Loan, ông Trần Thái Sơn (Năm Sơn), chị Nguyễn Thị Thanh Nhi cho rằng: Chị Trần Thị Kim Th, ông Trần Văn H và bà Trương Thị Kim A cùng tham trong dây hội ngày 15/6/2021.

Như vậy, thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm về việc thu thập tài liệu chứng cứ đã được Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục.

[2.3] Theo Danh sách dây hội ngày 15/6/2021 thể hiện: dây hội có 13 phần, trong đó có tên hội viên “Th 9 Nhi”. Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 109), chị Võ Thị Bích Ph – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị M xác định Danh sách hội viên ngày 15/6/2021 ghi tên hội viên “Th 9 Nhi” là chị Trần Thị Kim Th. Tại Biên bản lấy lời ngày 07/8/2023, bà Trần Thị M xác định: tên hội viên “Th 9 Nhi” trong Danh sách hội viên ngày 15/6/2021 là chị Trần Thị Kim Th – con của bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H; dây hội này ông H và bà Kim A không có tham gia, nhưng bà M giao tiền hót hội cho ông H và bà Kim A nhận. Ngoài chứng cứ này ra, bà M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh ông Trần Văn H và bà Trương Thị Kim A có tham gia cùng với chị Th ở dây hội ngày 15/6/2021.

Ông H và bà Kim A không thừa nhận có tham gia với chị Th ở dây hội này, ông H chỉ thừa nhận có nhận tiền hội dùm chị Th do bà M giao cho chị Th và ông H, bà Kim A không có viết biên nhận nhận tiền với bà M (Bút lục 23).

Tại phiên tòa sơ thẩm (Bút lục 109), ông Nguyễn Văn D – đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Văn H xác định Giấy nhận tiền ngày 25/6/2021 (Bút lục 37) do chị Th làm. Nguyên đơn bà Trần Thị M và chị Võ Thị Bích Ph – đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M xác định chữ viết và chữ ký trong Giấy nhận tiền hội ngày 25/6/2021 là của chị Th; đồng thời cũng xác định ông H và bà Kim A không có ký hay viết biên nhận nhận tiền hót hội (Bút lục 110, 18); bà M không có ý kiến hay yêu cầu ông H và bà Kim A ký nhận tiền, viết biên nhận

chung với chị Th, trong khi cho rằng cả chị Th, ông H và bà Kim A tham gia cùng 01 phần trong cùng 01 dây hui ngày 15/6/2021. Việc bà M không yêu cầu ông H và bà Kim A cùng ký tên nhận tiền với chị Th đồng nghĩa đã chấp nhận ở dây hui này chỉ có 01 mình chị Th tham gia chơi hui, mà không có ông H và bà Kim A cùng tham gia trong 01 phần với chị Th.

Các Danh sách hui viên của các dây hui khác do bà M cung cấp chỉ chứng minh được rằng ông H, bà Kim A có tham gia chơi hui với bà M ở các dây hui khác, không thể hiện ông H và bà Kim A có cùng tham gia với chị Th ở dây hui ngày 15/6/2021 và cả 03 người là chị Th, bà Kim A và ông H cùng tham gia 01 phần trong 01 dây hui khác. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị Ph – đại diện theo ủy quyền của bà M xác định dây hui tranh chấp ngày 15/6/2021 chị Th tham gia 01 phần và hót đầu tiên; do ông H và bà Kim A nhận tiền hót hui do bà M giao cho chị Th; ông H và bà Kim A là cha mẹ của chị Th; nên bà M yêu cầu ông H, bà Kim A và chị Th liên đới trả tiền hui chết cho bà M số tiền 80.000.000 đồng.

Do đó, không có cơ sở buộc ông Trần Văn H và bà Trương Thị Kim A có nghĩa vụ liên đới cùng chị Th trả tiền hui chết cho bà M số tiền 80.000.000 đồng.

[2.4] Theo Giấy nhận tiền ngày 25/6/2021 (Bút lục 37) do bà M cung cấp cho Tòa án thể hiện: Chị Th có tham gia chơi hui với bà M ở dây hui 10.000.000 đồng và có nhận tiền hui số tiền 99.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định chị Th có tham gia chơi hui ở dây hui 10.000.000 đồng với bà M và đã hót hui; cho nên chị Th có nghĩa vụ đóng hui chết cho dây hui này.

Bà M và chị Ph – đại diện theo ủy quyền của bà M xác định có nhận tiền của chị Th, ông H và bà Kim A đã đóng tiền hui chết 04 lần số tiền 40.000.000 đồng, còn nợ 08 kỳ hui chết chưa đóng với số tiền 80.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Ông H thừa nhận có nhận số tiền hui 99.000.000 đồng, bà M thừa nhận ông H, bà Kim A, chị Th có góp tiền hui chết cho bà M số tiền 40.000.000 đồng. Nên căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy chị Th, bà Kim A, ông H còn nợ bà M số tiền 59.000.000 đồng”; là không phù hợp quy định của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Bởi lẽ, số tiền 99.000.000 đồng là tiền hui chị Th hót được; chị Th hót đầu tiên, nên phải đóng lại hui chết ở các phần hui còn lại là 12 phần; bà M thừa nhận chị Th đã đóng hui chết được 04 kỳ nên chị Th còn nợ 08 kỳ hui chết là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, chị Th không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà M và vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án, đồng thời cũng không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Do vậy, việc buộc chị Th trả tiền hui chết cho bà M 08 kỳ hui chết với số tiền 80.000.000 đồng là có căn cứ, không có căn cứ buộc bà Kim A và ông H cùng liên đới với chị Th trả cho bà M số tiền hui chết này.

[2.5] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy: yêu cầu kháng cáo của bà M, bà Kim A, ông H và kháng nghị của VKSND huyện GCT (đã được thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm) là có cơ sở để chấp nhận; Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa

bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Th có nghĩa vụ trả cho bà M tiền hui chết của 08 kỳ số tiền 80.000.000 đồng.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Kim A và ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm và yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M, bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H được chấp nhận nên bà M, bà Kim A và ông H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị M.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐ-VKS-DS ngày 05/5/2023 Viện Kiểm sát nhân dân huyện GCT (đã có thay đổi tại phiên tòa phúc thẩm).

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2023/DS-ST ngày 21/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện GCT, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 471, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Buộc chị Trần Thị Kim Th có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị M số tiền hui 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả số tiền nêu trên thì phải trả lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

**2.** Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Th phải chịu 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà M không có nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Trần Thị M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và không có nộp tạm ứng án phí.

Bà Trương Thị Kim A và ông Trần Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và không có nộp tạm ứng án phí.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện GCT;
  - CCTHADS huyện GCT;
  - Đăng công thông tin điện tử;
  - Các đương sự;
  - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2023-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Việt Trung**